

# NHỮNG BIẾN ĐỔI XÃ HỘI Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

*Phạm Văn Quyết\**

Quá trình đô thị hóa song hành với quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đang từng ngày làm thay đổi diện mạo của đất nước.

Bài viết dựa trên cơ sở phân tích nguồn dữ liệu của đề tài: *Tác động của quá trình đô thị hóa đến sự phát triển của khu vực nông thôn giai đoạn 2011-2020* (mã số ĐTĐL.2010T/38) với dung lượng mẫu điều tra, khảo sát gồm hơn 3.000 hộ gia đình tại nhiều xã (phường), quận (huyện) thuộc thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh và Bình Dương cùng các nguồn dữ liệu khác.

## **1. Những biến đổi về đời sống kinh tế**

Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam thời gian gần đây đã trực tiếp góp phần hình thành trên địa bàn nông thôn những khu công nghiệp, khu chế xuất, các trung tâm dịch vụ, các khu đô thị mới... đã nâng giá trị sử dụng của đất đai, tạo những ngành nghề và việc làm mới, nâng cao giá trị lao động, tạo môi trường ứng dụng rộng rãi khoa học, công nghệ... Đô thị hoá kích thích và tạo cơ hội để con người năng động, sáng tạo hơn trong tìm kiếm và lựa chọn các phương thức, hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, vươn lên làm giàu chính đáng. Kinh tế phát triển, đời sống của người lao động được cải thiện - đó là xu hướng chủ đạo và là mặt tích cực của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Về cơ cấu lao động, theo kết quả điều tra hiện tại, trung bình mỗi hộ gia đình trong mẫu có 2,87 lao động so với năm 2005 có 2,93 lao động, được phân bố theo các ngành nghề hoạt động như sau:

---

\* PGS.TS., Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Bảng 1: Cơ cấu lao động của hộ gia đình nông thôn theo các ngành nghề hoạt động tại thời điểm năm 2005 và năm 2010 (tính theo lao động trung bình của hộ gia đình)**

Các lĩnh vực ngành nghề	Năm 2005 (số lao động trung bình)	Năm 2010 (số lao động trung bình)	Chênh lệch
1. Làm nông, lâm, ngư nghiệp	1,21	0,94	- 0,27
2. Công chức, viên chức	0,15	0,16	0,01
3. Công nhân	0,35	0,43	0,08
4. Tiểu thủ công nghiệp	0,12	0,14	0,02
5. Lao động tự do	0,38	0,38	
6. Dịch vụ (cắt tóc, rửa xe,...)	0,07	0,10	0,03
7. Kinh doanh, buôn bán	0,21	0,27	0,06
8. Đang đi học	0,33	0,30	- 0,03
9. Không có việc làm	0,12	0,16	0,04
<b>Tổng</b>	<b>2,94</b>	<b>2,88</b>	

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTĐL.2010T/38.

Bảng 1 cho thấy tại các địa bàn điều tra số lao động trung bình của các gia đình hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp vào năm 2010 chỉ chiếm 32,6%, làm công nhân chiếm gần 15%, các dịch vụ kinh doanh, buôn bán chiếm 12,8%... So sánh giữa hai thời điểm năm 2005 và 2010, chúng ta thấy số lao động trung bình mỗi hộ gia đình tham gia lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm đi 0,27 lao động, trong khi đó số lao động ở các lĩnh vực nghề nghiệp khác đều tăng (xem bảng 1).

Từ sự phân bố số lao động trong các lĩnh vực nghề nghiệp như trên, dẫn đến cơ cấu nguồn thu nhập chính của các hộ cũng thay đổi theo những xu hướng tương ứng (xem bảng 2).

**Bảng 2: Cơ cấu nguồn thu nhập của các gia đình vào năm 2005 và năm 2010**

Đơn vị: %

Các lĩnh vực	Năm 2005	Năm 2010	Chênh lệch
1. Nông, lâm, ngư nghiệp	48,6	36,1	- 12,5
2. Công chức, viên chức	6,5	6,9	0,4
3. Công nghiệp	10,6	14,5	4,1
4. Dịch vụ	5,2	5,7	0,5
5. Tiểu thủ công nghiệp	5,4	6,4	1,0
6. Kinh doanh, buôn bán	10,7	14,5	3,8
7. Nguồn khác	12,9	15,9	3,0
<b>Tổng</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	

*Nguồn:* Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTDL.2010T/38.

Số liệu từ bảng 2 chỉ ra rằng đến thời điểm năm 2010 còn tới 36,1% số hộ gia đình nông thôn trong mẫu điều tra có nguồn thu nhập chính từ nông, lâm, ngư nghiệp và số gia đình có nguồn thu chính từ các hoạt động dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và kinh doanh buôn bán chiếm 26,6%. So với năm 2005, số gia đình có thu nhập chính từ nông, lâm, ngư nghiệp đã giảm đi đáng kể. Lý giải về tình trạng này nhiều ý kiến của lãnh đạo địa phương hướng đến lý do: mất đất nông nghiệp do làm đường sá, khu công nghiệp; do sự dịch chuyển lao động từ nông, lâm, ngư nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh, buôn bán có thu nhập cao hơn.

Sự dịch chuyển cơ cấu lao động và nguồn thu nhập đã dẫn đến làm tăng thu nhập nói chung cho các hộ gia đình nông thôn. Điều này được thể hiện qua ý kiến tự đánh giá của người dân về điều kiện kinh tế của gia đình họ (xem bảng 3).

Vào thời điểm năm 2010, kết quả nghiên cứu ý kiến của người dân tại các địa bàn điều tra cho thấy vẫn còn khoảng 11,7% số gia đình tự nhận có hoàn cảnh kinh tế ở mức nghèo và rất nghèo; 17,0% có mức kinh tế khá và giàu. So với năm 2005, tỷ lệ hộ có mức kinh tế khá, giàu đã tăng đáng kể, trong khi tỷ lệ các hộ có mức kinh tế trung bình, nghèo và rất nghèo đã giảm đi một cách tương đối.

**Bảng 3: Ý kiến của người dân về điều kiện kinh tế gia đình (%)**

Điều kiện kinh tế	Năm 2005	Năm 2010
1. Giàu	0,5	1,3
2. Khá	7,7	15,7
3. Trung bình	75,8	71,3
4. Nghèo	14,9	11,0
5. Rất nghèo	1,1	0,7
<b>Tổng</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn:* Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTĐL.2010T/38.

Tình trạng nhà ở của người dân khu vực nông thôn vào thời điểm 2010 được thể hiện tại bảng 4. Có thể thấy một tỷ lệ khá cao (63,6%) số gia đình được điều tra hiện đang sống trong những căn nhà kiên cố ở dạng nhà riêng hoặc chung cư và chỉ còn 3,7% số gia đình hiện đang sống trong những căn nhà tạm.

**Bảng 4: Tình trạng nhà ở của cư dân nông thôn năm 2005 và 2010**

Loại hình nhà ở	Nhà ở năm 2005		Nhà ở hiện nay (2010)	
	Tỷ lệ (%)	Diện tích trung bình (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Diện tích trung bình (m <sup>2</sup> )
Nhà riêng, kiên cố từ 3 tầng trở lên	3,7	180	5,8	184
Nhà riêng, kiên cố dưới 3 tầng	44,7	123	50,7	126
Nhà kiên cố, dạng chung cư	6,9	100	7,1	111
Nhà bán kiên cố	39,2	80	32,7	84
Nhà tạm	5,5	60	3,7	63
<b>Tổng</b>	<b>100,0</b>		<b>100,0</b>	

*Nguồn:* Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTĐL.2010T/38.

Có thể nói so với năm 2005, nhà ở của đa số người dân nông thôn hiện nay đã được cải thiện đáng kể. Các hộ dân ở trong nhà tầng kiên cố, xây dựng chắc chắn đều tăng lên cả ở số lượng và diện tích sinh sống. Nếu năm 2005 có 3,7% số gia đình thuộc nhóm có nhà lầu từ 3 tầng trở lên, trung bình mỗi hộ sở hữu 180 m<sup>2</sup> (bình quân 41,8 m<sup>2</sup>/người) và 44,7% có nhà riêng kiên cố dưới 2 tầng, trung bình mỗi hộ sở hữu 123 m<sup>2</sup> (bình quân 28,6 m<sup>2</sup>/người), thì năm 2010 tăng lên 5,8% số gia đình thuộc nhóm có nhà lầu từ 3 tầng trở lên, trung bình mỗi hộ sở hữu 184 m<sup>2</sup> (bình quân 43,1 m<sup>2</sup>/người) và 50,7% có nhà riêng kiên cố dưới 2 tầng, trung bình mỗi hộ sở hữu 126 m<sup>2</sup> (bình quân 29,4 m<sup>2</sup>/người).

Như vậy, quá trình đô thị hóa cùng với việc mất đất nông nghiệp (trong mẫu điều tra trung bình mỗi gia đình vào năm 2005 có 2.085,5 m<sup>2</sup> nông nghiệp và 77,9 m<sup>2</sup> đất vườn, ao hồ, đến năm 2010 còn 1.591,1 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp và 61,3 m<sup>2</sup> đất vườn, ao hồ, trung bình mỗi hộ mất 494,4 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp và 16,6 m<sup>2</sup> đất ao hồ), sự chuyển dịch cơ cấu lao động, nguồn thu nhập... đã cải thiện đáng kể mức sống, nhà ở cho các hộ gia đình nông thôn.

## 2. Những biến đổi về mặt xã hội

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hơn hai chục năm qua đã từng bước tác động làm thay đổi dần bộ mặt xã hội nông thôn nước ta theo hướng hình thành, phát triển và mở rộng các quan hệ, tổ chức của xã hội hiện đại. Việc phân tích những biến đổi về mặt xã hội ở nông thôn dưới tác động của đô thị hóa đã sử dụng hai chỉ báo khá đặc trưng là: vai trò giới trong gia đình và mức độ tích cực tham gia các tổ chức, đoàn thể xã hội của người dân.

**Bảng 5: Đánh giá của người dân về mức độ tham gia của phụ nữ nông thôn vào công việc của gia đình, họ hàng, năm 2005 và năm 2010**  
(theo thang đánh giá 5 mức)

STT	Công việc gia đình	2005	2010
1	Nội trợ (giặt giũ, lau dọn nhà cửa, cơm nước,...)	4,56	4,57
2	Sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ...)	3,92	3,83
3	Dạy dỗ, chăm sóc con cái	4,30	4,32
4	Chăm sóc người đau ốm, người cao tuổi	3,99	4,00
5	Quyết định các công việc quan trọng trong gia đình	3,53	3,63

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTĐL.2010T/38.

Bảng 5 cho thấy, vào thời điểm điều tra (năm 2010) những công việc "gia đình" như nội trợ, chăm sóc con cái, chăm sóc người cao tuổi, người ốm đau hầu hết đều do phụ nữ đảm nhận hoặc là người chịu trách nhiệm chính. Phụ nữ nông thôn cũng được đánh giá cao về sự tham gia vào các hoạt động sản xuất và các quyết định về những công việc quan trọng trong gia đình. So sánh thời điểm hiện nay (2010) với thời điểm năm 2005 mức độ tham gia của phụ nữ vào các công việc nội trợ, chăm sóc con cái, chăm sóc người cao tuổi, người ốm đau dường như không thay đổi, song mức độ tham gia của họ vào công việc sản xuất giảm đi tương đối. Điều này được lý giải về sự giảm đi một cách rõ rệt của các công việc sản xuất ở nông thôn do mất đất nông nghiệp, do việc áp dụng máy móc, kỹ thuật nhiều hơn trong sản xuất... Về mức độ tham gia của họ vào quyết định các công việc quan trọng của gia đình đã tăng lên đáng kể so với năm 2005. Đây có thể được coi là chỉ báo quan trọng để phản ánh những thay đổi trong quan niệm của người dân nông thôn về vai trò của phụ nữ trong gia đình, cộng đồng theo định hướng của xã hội công nghiệp hiện đại.

Một chỉ báo xã hội khác thể hiện những tác động của lối sống đô thị tới sinh hoạt cộng đồng của người dân nông thôn gắn liền với việc hình thành, phát triển và sự tham gia của người dân vào các tổ chức xã hội. Đây cũng là chỉ báo xã hội quan trọng của việc mở rộng dân chủ xã hội và tiếp cận đến xã hội dân sự. Mức độ tích cực tham gia của người dân nông thôn vào các tổ chức xã hội khác nhau ở địa phương còn thể hiện được tính đa dạng, phong phú trong đời sống văn hóa tinh thần của người nông dân. Kết quả cho thấy, vào thời điểm năm 2010 đã có khá nhiều tổ chức xã hội, nghề nghiệp được hình thành ở các vùng nông thôn và đã thu hút được sự tham gia của nhiều nhóm dân cư.

**Bảng 6: Mức độ tích cực tham gia vào các tổ chức xã hội ở nông thôn năm 2005 và năm 2010 (theo thang đánh giá 5 mức)**

TT	Các tổ chức đoàn thể, xã hội	2005	2010
1	Đảng Cộng sản Việt Nam	1,47	1,40
2	Đoàn Thanh niên	1,79	1,66
3	Hội Phụ nữ	2,89	2,90
4	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1,50	1,51
5	Hội Nông dân	2,37	2,40

TT	Các tổ chức đoàn thể, xã hội	2005	2010
6	Hội Cựu chiến binh/Hội Quân nhân	2,21	2,28
7	Hội Người cao tuổi	2,47	2,60
8	Hội Khuyến học	2,08	2,13
9	Hội Đồng hương, Hội Đồng niên, Hội Đồng môn, đồng ngũ	2,35	2,43
10	Câu lạc bộ hưu trí	1,57	1,61
11	Nhóm/câu lạc bộ thể thao/giải trí	1,31	1,33
12	Nhóm/câu lạc bộ/hội nghề nghiệp	1,18	1,19

*Nguồn:* Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTĐL.2010T/38.

Số liệu ở bảng 6 thể hiện ý kiến tự đánh giá về mức độ tích cực tham gia vào các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp của người dân nông thôn tại các tỉnh theo thang đo 5 điểm. Hiện nay người dân nông thôn thể hiện sự tích cực hơn khi tham gia vào các tổ chức xã hội ít mang tính chính trị, nhưng có ý nghĩa thiết thực với cuộc sống của cá nhân gia đình họ, mang lại cho họ giá trị văn hóa, tinh thần tốt hơn như Hội Người cao tuổi, Hội Đồng ngũ, Đồng môn, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Khuyến học...

Nhìn từ bình diện văn hoá, làn sóng đô thị hoá cùng với sự phát triển hạ tầng văn hoá - xã hội, mở rộng mạng lưới thông tin đại chúng, tăng cường quan hệ kinh doanh, buôn bán giữa các vùng miền... đã làm cho diện mạo nông thôn và đời sống tinh thần của cư dân nông thôn ngày càng phong phú, đa dạng hơn. Ở nông thôn đã xuất hiện những yếu tố văn hoá đô thị mới mẻ, hiện đại, sự truyền bá các sản phẩm văn hoá, các loại hình văn học, nghệ thuật có giá trị; sự du nhập lối sống, phong cách giao tiếp, ứng xử văn minh, tiên bộ... làm cho văn hoá làng quê có những sắc thái mới. Đời sống văn hoá, trình độ hưởng thụ và tham gia sáng tạo văn hoá của nông dân các vùng đô thị hoá, nhìn trên tổng thể, được nâng lên.

Theo thang điểm 5, ở một số lĩnh vực mức độ tham gia của họ là khá tích cực như xem truyền hình, trò chuyện với các thành viên của gia đình, tham gia vào sinh hoạt cộng đồng, song ở một số lĩnh vực mức độ tham gia thấp, dường như vẫn còn khá xa lạ với khu vực nông thôn như truy cập internet, đi tham quan, du lịch, đọc báo in... (xem bảng 7).

**Bảng 7: Điểm trung bình về mức độ tham gia các sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân nông thôn vào năm 2005 và năm 2010 (theo thang điểm 5)**

STT	Loại hình sinh hoạt văn hóa tinh thần	2005	2010
1	Xem truyền hình	3,54	3,88
2	Đọc báo in	2,03	2,12
3	Nghe đài	2,08	2,18
4	Truy cập Internet	1,44	1,67
5	Đi tham quan, du lịch	1,97	2,13
6	Tham gia lễ hội	2,05	2,63
7	Đi uống bia/cà phê tại quán	1,67	1,74
8	Tham gia việc ma chay, cưới hỏi, giỗ chạp của họ hàng	3,96	4,09
9	Giúp đỡ bố/mẹ/anh/chị/em trong gia đình về tài chính	2,71	2,81
10	Giúp đỡ bố/mẹ/anh/chị/em về công sức	3,16	3,23
11	Trò chuyện với thành viên trong gia đình	4,07	4,16
12	Đưa ra lời khuyên hoặc tư vấn cho bố/mẹ/anh/chị/em khi họ cần đưa ra quyết định nào đó	3,47	3,58
13	Tham gia các sinh hoạt cộng đồng/thôn/xóm/ấp	3,31	3,54

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTDL.2010T/38.

Nếu so sánh mức độ tham gia các sinh hoạt thuộc lĩnh vực văn hóa tinh thần của người dân nông thôn giữa 2 thời điểm năm 2005 và 2010 chúng ta thấy rõ có sự thay đổi rất đáng kể ở hầu hết các loại hình sinh hoạt tinh thần mà nhóm nghiên cứu nêu ra. Điều đó cho thấy dường như đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm thay đổi một cách tích cực mức sống văn hoá, trình độ hưởng thụ và sự tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí của người dân nông thôn.



Niềm tin vào xã hội, vào các quan hệ xã hội xung quanh cũng là một trong những chỉ báo có ý nghĩa không chỉ cho việc xem xét đánh giá về đời sống văn hóa tinh thần, mà còn cả cho đời sống vật chất của người dân nông thôn hiện nay (xem bảng 8).

**Bảng 8: Niềm tin của người dân nông thôn vào các quan hệ xã hội, năm 2005 và năm 2010**

Các quan hệ xã hội	2005	2010	Các quan hệ xã hội	2005	2010
1. Vợ, chồng, con cái	4,63	4,68	11. Thông tin từ Internet	2,32	2,52
2. Cha mẹ, anh em	4,53	4,57	12. Chính quyền	4,00	4,08
3. Họ hàng	4,03	4,09	13. Người kinh doanh nhỏ	2,78	2,83
4. Hàng xóm, láng giềng	3,68	3,72	14. Các công ty, doanh nghiệp	2,78	2,87
5. Bạn bè	3,51	3,55	15. Chính sách Nhà nước về kinh tế	3,93	3,99
6. Người mới gặp	1,52	1,55	16. Chính sách Nhà nước về xã hội	3,96	4,02
7. Giáo viên	3,84	3,98	17. Chính sách Nhà nước về đất đai	3,87	3,92
8. Cán bộ y tế	3,71	3,76	18. Chính sách Nhà nước về giáo dục	4,04	4,11
9. Thông tin từ đài, tivi	3,64	3,72	19. Chính sách Nhà nước về y tế	3,95	4,01
10. Thông tin từ báo in	3,14	3,22	20. Khác	3,27	3,07

*Nguồn:* Kết quả điều tra chọn mẫu của đề tài: ĐTĐL.2010T/38.

Số liệu ở bảng 8 cho thấy, trừ một vài mối quan hệ, đại đa số người dân nông thôn còn khá xa lạ với những khái niệm như Internet, các công ty, doanh nghiệp, người kinh doanh nhỏ... còn hầu hết các quan hệ xã hội, các tổ chức xã hội ở thời

điểm hiện nay đều nhận được mức độ tin tưởng khá cao của người dân nông thôn. So với năm 2005, mức độ tin tưởng vào các quan hệ xã hội, nhất là những mối quan hệ, tác nhân chưa thật quen thuộc với đời sống của đa số người dân nông thôn hiện nay đều tăng lên một cách đáng kể. Điều này không chỉ nói lên sự gia tăng, sự phong phú thêm của vốn xã hội, mà còn cho thấy những mối quan hệ, những yếu tố tương tự như chỉ có ở đời sống đô thị thì cũng đang dần chiếm được lòng tin của người dân nông thôn.

Như vậy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã và đang tác động làm thay đổi căn bản bộ mặt đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn nước ta trong những năm đầu thế kỷ XX; làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nước ta theo hướng tích cực, tạo đà cho phát triển ổn định, bền vững. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng tác động mạnh mẽ đến sản xuất nông nghiệp, đến đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người nông dân và xã hội nông thôn Việt Nam nói chung. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã chứng minh về tính hợp qui luật và những tác động tích cực của đô thị hoá đối với nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. *Khu đô thị của những người cày măt ruộng*, [www.tinmoi.vn](http://www.tinmoi.vn), ngày 07/06/2010.
2. *Khu công nghiệp: Động lực để nền kinh tế "cát cánh"*, <http://dantri.com.vn/c25/s76-473544/khu-cong-nghiep-dong-luc-de-nen-kinh-te-cat-canhh.htm>.
3. Nghị quyết số 26 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, ngày 5/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
4. Phùng Hữu Phú, "Đô thị hóa ở Việt Nam - từ góc nhìn nông nghiệp, nông thôn, nông dân", *Tạp chí Tuyên giáo*, số 3 năm 2009.
5. Quyết định số 800/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.
6. Nguyễn Hồng Thực, "Sức ép của quá trình đô thị hóa ở Việt Nam", *Tạp chí Cộng sản*, số 17 năm 2010.